

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3504/TB-STC

Ninh Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2026


THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I/2026 của Sở Tài chính Ninh Bình

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Ninh Bình Quý I năm 2026.

(Kèm theo biểu số liệu và Báo cáo thuyết minh).

Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu VT, NS.

GIÁM ĐỐC



Mai Văn Quyết

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 3504/TB-STC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5,0
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	80.261	20.468	20.468	26	133
I	Thu nội địa	75.161	19.312	19.312	26	128
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	5.100	1.157	1.157	23	463
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	87.478	36.001	36.001	41	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	67.111	17.994	17.994	27	181
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	46.400	6.655	6.655	14	149
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	7.864	3.260	3.260	41	181
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	12.847	8.078	8.078	63	220
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.739	10.987	10.987	62	0
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	7.831	1.958	1.958	25	0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	9.908	9.030	9.030	91	0
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.627	7.021	7.021	267	0
C	TỔNG CHI NSDP	87.638	24.353	24.353	28	108
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	81.563	24.353	24.353	30	108
1	Chi đầu tư phát triển	41.512	16.417	16.417	40	126
2	Chi thường xuyên	38.224	7.900	7.900	21	83
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi	81	35	35	44	980
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	4				
7	Dự phòng NSNN	1.743				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	6.075				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 3504/TB-STC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của sở Tài chính)



Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	80.261	20.468	20.468	26	133
I	Thu nội địa	75.161	19.312	19.312	26	128
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	893	213	213	24	112
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	4.011	2.524	2.524	63	138
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	16.445	7.529	7.529	46	155
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.450	954	954	39	109
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.300	381	381	29	119
6	Các loại phí, lệ phí	2.210	710	710	32	126
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	<i>1.430</i>	<i>440</i>	<i>440</i>	<i>31</i>	<i>139</i>
7	Các khoản thu về nhà, đất	46.275	6.712	6.712	15	109
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>0</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>73</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>16</i>	<i>70</i>
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>3.800</i>	<i>210</i>	<i>210</i>	<i>6</i>	<i>12</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>42.402</i>	<i>6.491</i>	<i>6.491</i>	<i>15</i>	<i>148</i>
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2				
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số	140	43	43	30	118
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	226	-3	-3		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	19	1	1	5	2
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>	<i>19</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>5</i>	<i>213</i>
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	90	2	2	3	15
14	Thu khác ngân sách	1.100	245	245	22	129
II	Thu từ đầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	5.100	1.157	1.157	23	463
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	3.320	1.216	1.216	37	106
2	Thuế xuất khẩu	581	107	107	19	68
3	Thuế nhập khẩu	1.155	-176	-176		
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	16				
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	27	5	5	19	117
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu		4	4		
7	Thuế khác	1	0	0	28	14
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác		-1.486.453	-1.486.453		
1	Thuế GTGT		-1.486.453	-1.486.453		
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	67.111	17.994	17.994	27	181
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	12.847	8.078	8.078	63	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	7.864	3.260	3.260	41	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	46.400	6.655	6.655	14	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 1504/TB-STC ngày 10 tháng 9 năm 2026 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Số thực hiện		So sánh số thực hiện Quý I với (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	87.638	24.353	24.353	28	108
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	81.563	24.353	24.353	30	108
I	Chi đầu tư phát triển	41.512	16.417	16.417	40	126
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	41.512	16.417	16.417	40	126
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi	81	35	35	44	980
III	Chi thường xuyên	38.224	7.900	7.900	21	83
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.698	3.283	3.283	19	91
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	680	49	49	7	163
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	4				
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.743				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	6.075				
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	1.875				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	4.200				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

Ghi chú: Số thực hiện chi cân đối ngân sách địa phương đã bao gồm chi từ nguồn được chuyển từ năm 2025 sang năm 2026 theo quy định; từ nguồn dự phòng ngân sách và từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP.

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Thông báo số 3504/TB-STC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	1.742.626	83.512	1.659.114				911.679,66		911.679,66
1	Chi đầu tư phát triển		20.000							
2	Chi thường xuyên		63.512							

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI



(Kèm theo Thông báo số 3504/TB-STC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			

Ghi chú: đến thời điểm công khai ngân sách (ngày 10/4/2026) chưa có Quyết định phê chuẩn phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu ngân sách.



BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: 3504/TB-STC ngày 10/04/2026 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình)

I. Kết quả thực hiện thu NSNN Quý I năm 2026:

I.1. Kết quả thực hiện thu NSNN tỉnh Ninh Bình quý I năm 2026:

Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 20.468 tỷ đồng, đạt 29% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 33% so với cùng kỳ. Bao gồm:

- Thu nội địa đạt 19.312 tỷ đồng, đạt 30% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 28% so với cùng kỳ (trong đó: Thu tiền sử dụng đất đạt 6.491 tỷ đồng, đạt 15% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 48% so với cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số đạt 43 tỷ đồng, đạt 30% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 18% so với cùng kỳ).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.157 tỷ đồng, đạt 23% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 363% so với cùng kỳ.

I.2. Kết quả thực hiện chi NSNN tỉnh Ninh Bình quý I năm 2026:

Tổng chi ngân sách địa phương: 24.353 tỷ đồng, đạt 28% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 16.417 tỷ đồng;
- Chi thường xuyên: 7.900 tỷ đồng;
- Chi trả nợ lãi vay: 35 tỷ đồng.

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2026 toàn tỉnh.

1. Về thu NSNN

Ngay từ đầu năm, công tác quản lý thu NSNN đã được chú trọng, cụ thể UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với các địa phương triển khai nhiều biện pháp trong công tác thu ngân sách, chú trọng khai thác nguồn thu, mở rộng cơ sở thu thuế; đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại; quyết liệt xử lý nợ thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế,... qua đó thu ngân sách trên địa bàn tỉnh thực hiện quý I/2026 hoàn thành dự toán theo tiến độ thu.

- Về thu nội địa: Có 06 chỉ tiêu thực hiện thu NSNN đạt và vượt tiến độ giao (Khu vực Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 63% dự toán; Khu vực ngoài quốc doanh đạt 46% dự toán; Các loại phí, lệ phí đạt 32% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân đạt 39% dự toán; Thuế bảo vệ môi trường đạt 29% dự toán; Thu từ hoạt động xổ số đạt 30% dự toán); Một số chỉ tiêu thực hiện thu NSNN không đạt tiến độ dự toán (Khu vực DNNN đạt 24% dự toán; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản 5% dự toán; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 16% dự toán;



Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 12% dự toán; Thu tiền sử dụng đất đạt 14% dự toán; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi và công sản đạt 3% dự toán...);

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 23% dự toán HĐND tỉnh giao, chưa đạt tiến độ thu theo dự toán.

2. Về chi ngân sách:

Công tác quản lý chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm được thực hiện chủ động, tích cực; kỷ luật tài chính được tăng cường, hiệu quả sử dụng NSNN tiến bộ. Các nhiệm vụ chi ngân sách được đảm bảo theo đúng dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị sử dụng ngân sách. Các ngành, các cấp, đơn vị đã quản lý chi ngân sách thực hiện tiết kiệm, đảm bảo định mức, chế độ nhà nước quy định góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh- chính trị, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh và nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ- CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Chủ động điều hành chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Thực hiện đầy đủ và toàn diện các chính sách bảo đảm an sinh và nâng cao phúc lợi xã hội. Công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm, triển khai kịp thời. Thực hiện đảm bảo đúng chế độ cho các đối tượng chính sách theo quy định. Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định, đảm bảo đầy đủ và toàn diện các chính sách bảo đảm an sinh và nâng cao phúc lợi xã hội.

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của Trung ương về nhiệm vụ tài chính, ngân sách năm 2026, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi ngân sách trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện nghiêm công tác công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện nghiêm các kết luận kiến nghị của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, góp phần tăng thu, giảm chi ngân sách, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, tài sản công theo các kiến nghị. Tăng cường đốc thực hiện kiến nghị kiểm toán qua các năm, quán triệt các đơn vị thực hiện dứt điểm các kiến nghị. Giảm thiểu các vi phạm chế độ, chính sách, kỷ luật tài chính, nâng cao trách nhiệm tập thể, cá nhân góp phần tích cực vào việc phòng, ngừa tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước./.

